

Số: 8526/QĐ-UBND

Phú Quốc, ngày 03 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai số liệu điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn đặc khu Phú Quốc

ỦY BAN NHÂN DÂN ĐẶC KHU PHÚ QUỐC

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025; Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân đặc khu về Kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn đặc khu Phú Quốc;

Căn cứ Quyết định số 2686/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh An Giang Về việc kế hoạch đầu tư công năm 2026 (đợt 1) nguồn vốn ngân sách trung ương và nguồn vốn ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 2143/QĐ-UBND ngày 08/5/2026 của UBND tỉnh An Giang về việc điều chỉnh bổ sung và giao kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn Ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 19 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng nhân dân đặc khu về Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn đặc khu Phú Quốc;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách Nhà nước trên địa bàn đặc khu Phú Quốc (Các Phụ lục kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ủy ban nhân dân đặc khu Phú Quốc, Trưởng Phòng Tài chính – Kế hoạch đặc khu Phú Quốc, Thủ trưởng các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận :

- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Đảng ủy đặc khu;
- HĐND đặc khu;
- CT và PCT. UBND đặc khu;
- Các phòng, ban thuộc UBND đặc khu;
- Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – An Giang;
- Tòa án nhân dân Khu vực 2 – An Giang;
- Cổng thông tin điện tử đặc khu;
- Cơ quan các đoàn thể đặc khu;
- LĐVP + đ/c Thật;
- Lưu: VT, PTCKH, Inxuan.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Ngô Minh Trí



ỦY BAN NHÂN DÂN
ĐẶC KHU PHỤ QUỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC I
DANH MỤC CÔNG KHAI SỐ LIỆU ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH SÁCH TỈNH BỔ SUNG
TRÊN ĐỊA BÀN ĐẶC KHU PHỤ QUỐC

(Kèm theo Quyết định số 8526/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân đặc khu Phú Quốc)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Địa điểm mở tài khoản	Chủ đầu tư	Mã số dự án	Mã ngành kinh tế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương			Quyết định đầu tư			Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030	Ước lỹ kế giải ngân từ khởi công đến KH năm trước	Kế hoạch vốn năm 2026			Kế hoạch vốn năm 2026 sau khi điều chỉnh			Chênh lệch		Ghi chú
								Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT dự kiến		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT				Tổng số	Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản	Tổng số	Trong đó		Tăng	Giảm (-)	
									Tổng số	Trong đó: Phần vốn NSNN		Tổng số	Trong đó: Phần vốn NSNN							Tổng số	Thu hồi vốn đã ứng trước			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
	TỔNG CỘNG A + B + C								554.900	554.900	120.000	554.900	554.900	329.850	65.462	115.000			65.000			53.660	-103.660	
A	NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ TẬP TRUNG								120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	10.500	32.731	10.500			10.500					
	Ngành/linh vực: Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề					070			120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	10.500	32.731	10.500			10.500					
	Dự án chuyển tiếp								120.000	120.000		120.000	120.000	10.500	32.731	10.500			10.500					
1	Trường Tiểu học và THCS Dương Đông tại khu 67,5 ha	DD	KBNN KV XX P.GD số 5	BQL	8054337		2024-2027	NQ số 24 30/8/2023; NQ số 57 18/12/2024;	120.000	120.000	6598 11/12/2023	120.000	120.000	10.500	32.731	10.500			10.500					
B	NGUỒN VỐN XÓ SỔ KIẾN THIẾT								134.900	134.900		134.900	134.900	19.350	32.731	4.500			4.500			4.160	-4.160	
	Ngành/linh vực: Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề					070			134.900	134.900		134.900	134.900	19.350	32.731	4.500			4.500			4.160	-4.160	
	Dự án chuyển tiếp								120.000	120.000		120.000	120.000	4.500	32.731	4.500			340			-4.160		
1	Trường Tiểu học và THCS Dương Đông tại khu 67,5 ha	DD	KBNN KV XX P.GD số 5	BQL	8054337		2024-2027	NQ số 24 30/8/2023; NQ số 57 18/12/2024;	120.000	120.000	6598 11/12/2023	120.000	120.000	4.500	32.731	4.500			340				-4.160	
	Dự án khởi công mới								14.900	14.900		14.900	14.900	14.850					4.160			4.160		
1	Sửa chữa các điểm trường (2026-2027)	PQ	KBNN KV XX P.GD số 5	BQL	8178507		2026-2028	1181 27/02/2026	14.900	14.900	4585 06/04/2026	14.900	14.900	14.850					4.160			4.160		Mới BS
C	NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU SỬ DỤNG BÁT TÍNH BỔ SUNG								300.000	300.000		300.000	300.000	300.000		100.000			50.000			49.500	-99.500	
	Ngành/linh vực: Các hoạt động kinh tế								300.000	300.000		300.000	300.000	300.000		100.000			50.000			49.500	-99.500	
	Dự án chuẩn bị đầu tư								300.000	300.000		300.000	300.000	300.000		500			500					
1	Dự án chỉnh trang đô thị đặc khu Phú Quốc	PQ	KBNN KV XX P.GD số 5	BQL	8178207		2026-2029	1010 11/02/2026	300.000	300.000	4584 06/4/2026	300.000	300.000	300.000		500			500					
	Dự án khởi công mới								300.000	300.000		300.000	300.000	300.000		99.500			49.500			49.500	-99.500	
1	Dự án chỉnh trang đô thị đặc khu Phú Quốc	PQ	KBNN KV XX P.GD số 5	BQL	8178207		2026-2029	1010 11/02/2026	300.000	300.000	4584 06/4/2026	300.000	300.000	300.000					49.500			49.500		BS thực hiện đầu tư
2	Danh mục chưa đủ điều kiện phân bổ															99.500							-99.500	



ỦY BAN NHÂN DÂN
ĐẶC KHU PHÚ QUỐC

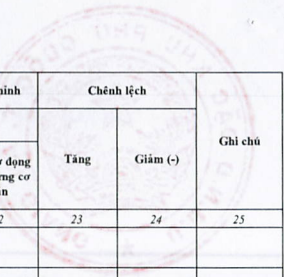
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC II
DANH MỤC CÔNG KHAI SỐ LIỆU ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 NGUỒN VỐN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT (70%)
TRÊN ĐỊA BÀN ĐẶC KHU PHÚ QUỐC

(Kèm theo Quyết định số 8526/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân đặc khu Phú Quốc)

Đơn vị: Triệu đồng

S T T	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Địa điểm mở tài khoản	Chủ đầu tư	Mã số dự án	Mã ngành kinh tế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương		Quyết định đầu tư		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030	Lũy kế giải ngân từ khởi công đến KH năm trước	Kế hoạch vốn năm 2026		Kế hoạch vốn năm 2026 sau điều chỉnh		Chênh lệch		Ghi chú					
								Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT dự kiến		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành			TMBT		Tổng số	Trong đó		Tổng số		Trong đó		Tăng	Giảm (-)	
									Tổng số	Trong đó: Phần vốn NSNN				Tổng số	Trong đó: Phần vốn NSNN		Thu hồi vốn đã ứng trước	Trà nợ đọng xây dựng cơ bản			Thu hồi vốn đã ứng trước	Trà nợ đọng xây dựng cơ bản			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	
	TỔNG CỘNG								2.369.389	2.369.389		1.880.427	1.880.427	724.554	1.359.096	178.500			178.500			22.709	-22.709		
I	Ngành/linh vực: Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề					070			414.890	414.890		253.360	253.360	230.165	109.075	68.603			72.740			4.177	-40		
	Dự án trả nợ								71.290	71.290		62.460	62.460	129	50.511	103			80			17	-40		
1	XDM nhà vệ sinh công hàng rào, sân nền, hệ thống thoát nước các điểm trường	PQ	KBNN KV XX P.GD số 5	BQL	8078337		2024-2026	6461 05/12/2023	12.700	12.700	5771 28/11/2024	10.197	10.197	10	9.300	10			7				-3	Tất toán	
2	XDM Khởi hành chính quản trị, phòng hoạt động Đội, hàng rào, sân nền và nhà xe các điểm trường	PQ	KBNN KV XX P.GD số 5	BQL	8079480		2024-2026	729; 14/03/2024	5.200	5.200	5568 07/11/2024	3.134	3.134	10	2.412	10							-10	Tất toán	
3	Xây dựng tường rào các điểm trường trên địa bàn thành phố Phú Quốc	PQ	KBNN KV XX P.GD số 5	BQL	8126662		2025-2027	7483; 31/12/2024	12.890	12.890	1350; 18/4/2025	8.765	8.765	10	6.750	10			-				-10	Tất toán	
4	Trường TH-THCS Bãi Bón	PQ	KBNN KV XX P.GD số 5	BQL	8078339		2024-2026	730; 14/03/2024	13.000	13.000	5772 28/11/2024	12.864	12.864	33	9.810	33			26				-7	Tất toán	
5	Trường TH Cửa Dương 2 - Điểm chính	PQ	KBNN KV XX P.GD số 5	BQL	8079482		2024-2026	728; 14/03/2024	13.900	13.900	5770 28/11/2024	13.900	13.900	10	10.240	10			-				-10	Tất toán	
6	Trường THCS Dương Đông 1	ĐĐ	KBNN KV XX P.GD số 5	BQL	8072549		2024-2026	6462 05/12/2023	13.600	13.600	5030 30/10/2024	13.600	13.600	56	11.999	30			47			17			
	Dự án chuyển tiếp								190.900	190.900		190.900	190.900	117.336	58.564	68.000			72.160			4.160			
1	Trường mầm non Dương Đông tại khu 67,5 ha	ĐĐ	KBNN KV XX P.GD số 5	BQL	8051354		2024-2027	NQ 23 30/8/2023 NQ số 57 18/12/2024;	56.000	56.000	6599 11/12/2023	56.000	56.000	32.467	23.533	25.000			25.000						
2	Trường Tiểu học và THCS Dương Đông tại khu 67,5 ha	ĐĐ	KBNN KV XX P.GD số 5	BQL	8054337		2024-2027	NQ số 24 30/8/2023; NQ số 57 18/12/2024;	120.000	120.000	6598 11/12/2023	120.000	120.000	72.269	32.731	35.000			39.160			4.160			Tăng vốn bổ sung do giảm kế hoạch vốn tính
3	XDM các trường học đạt chuẩn quốc gia	PQ	KBNN KV XX P.GD số 5	BQL	8126661		2025-2027	7490 31/12/2024	14.900	14.900	7490; 31/12/2024	14.900	14.900	12.600	2.300	8.000			8.000						
	Dự án chuẩn bị đầu tư								152.700	152.700				112.700		500			500						
1	Trường TH An Thới 3	AT	KBNN KV XX P.GD số 5	BQL	8178496		2026-2028	1186 27/02/2026	19.900	19.900				50		50			50						
2	Trường Tiểu học Cửa Dương 2	DT	KBNN KV XX P.GD số 5	BQL	8178497		2026-2028	1186 27/02/2026	19.900	19.900				14.600		50			50						
3	Trường Tiểu học và THCS Cửa Dương	CD	KBNN KV XX P.GD số 5	BQL	8178499		2026-2028	1146 26/02/2026	10.000	10.000				10.000		50			50						
4	Trường Tiểu học và THCS Bãi Thơm	BT	KBNN KV XX P.GD số 5	BQL	8178506		2026-2028	1144 26/02/2026	30.000	30.000				30.000		50			50						
5	Sửa chữa các điểm trường (2026-2027)	PQ	KBNN KV XX P.GD số 5	BQL	8178507		2026-2028	1181 27/02/2026	14.900	14.900				50		50			50						
6	Trường Tiểu học Dương Tô 2	DT	KBNN KV XX P.GD số 5	BQL	8178502		2026-2028	1184 27/02/2026	16.000	16.000				16.000		50			50						



S T T	Đanh mục dự án	Địa điểm XD	Địa điểm mở tài khoản	Chủ đầu tư	Mã số dự án	Mã ngành kinh tế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương			Quyết định đầu tư			Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030	Lũy kế giải ngân từ khởi công đến KH năm trước	Kế hoạch vốn năm 2026			Kế hoạch vốn năm 2026 sau điều chỉnh			Chênh lệch		Ghi chú	
								Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT dự kiến		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT				Tổng số	Trong đó: Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản	Tổng số	Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản	Tăng	Giảm (-)		
									Tổng số	Trong đó: Phần vốn NSNN		Tổng số	Trong đó: Phần vốn NSNN												
7	Trường TH - THCS Cửa Cạn	CC	KBNN KV XX P.GD số 5	BQL	8178503		2026-2028	1180 27/02/2026	19.900	19.900			19.900		50		50								
8	Trường TH An Thới 2	AT	KBNN KV XX P.GD số 5	BQL	8178501		2026-2028	1183 27/02/2026	7.100	7.100			7.100		50		50								
9	Trường mầm non An Thới	AT	KBNN KV XX P.GD số 5	BQL	8178498		2026-2028	1185 27/02/2026	5.000	5.000			5.000		50		50								
10	Trường mầm non Cửa Dương	CD	KBNN KV XX P.GD số 5	BQL	8179318		2026-2028	1182 27/02/2026	10.000	10.000			10.000		50		50								
II	Ngành/ lĩnh vực Hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước					340			283.194	283.194			68.202	68.202	268.957	10.978	6.060		18.092				12.032		
	Dự án chuyển tiếp								25.200	25.200			23.102	23.102	10.423	10.178	4.010		4.392				382		
1	Cải tạo, nâng cấp phòng chuyên môn và nhà ăn thuộc UBND đặc khu	PQ	KBNN KV XX P.GD số 5	BQL	8163776		2025-2027	7007 21/10/2025	4.500	4.500	7365 07/11/2025	4.500	4.500	900	3.500	500		869				369		Bổ sung vốn tái toán công trình	
2	Nâng cấp, cải tạo các phòng ban và chính trang đô thị	ĐĐ	KBNN KV XX P.GD số 5	BQL	8126663		2024-2026	5799 02/12/2024	14.200	14.200	1351 18/4/2025	12.102	12.102	9.500	1.500	3.500		3.500							
3	Mua mới tổ máy phát điện cho trạm phát điện xã Thổ Châu	TC	KBNN KV XX P.GD số 5	BQL	8138135		2025-2026	580; 10/03/2025	6.500	6.500	1349 18/4/2025	6.500	6.500	23	5.178	10		23				13		Bổ sung vốn tái toán công trình	
	Dự án khởi công mới								45.100	45.100		45.100	45.100	44.700	400	1.500		13.150				11.650			
1	Khu tái định cư Hòn Thơm	PQ	KBNN KV XX P.GD số 5	BQL	8150992		2026-2029	7068; 22/10/2025	6.300	6.300	8417 03/12/2025	6.300	6.300	6.100	200	500		500							
2	Khu tái định cư An Thới (7.075 ha)	PQ	KBNN KV XX P.GD số 5	BQL	8148414		2026-2029	6844; 14/10/2025	19.800	19.800	8416 03/12/2025	19.800	19.800	19.600	200	1.000		6.700				5.700		Bổ sung vốn thực hiện dự án	
3	Nhà Bia lưu niệm Khu căn cứ Cách mạng Huyện ủy	PQ	KBNN KV XX P.GD số 5	BQL	8178504		2026-2030	1102 13/02/2026	19.000	19.000	458 06/04/2026	19.000	19.000	19.000				5.950				5.950		Bổ sung vốn thực hiện dự án	
	Dự án chuẩn bị đầu tư								212.894	212.894				213.834	400	550		550							
1	Hệ thống đèn nghệ thuật tại Khu vực công viên Bạch Đằng	ĐĐ	KBNN KV XX P.GD số 5	BQL			2025-2027						50	20	50		50								
2	Khu tái định cư Hàm Ninh mở rộng	PQ	KBNN KV XX P.GD số 5	BQL	8148413		2026-2029						50	10	50		50								
3	Khu tái định cư ấp Suối Mây	PQ	KBNN KV XX P.GD số 5	BQL	8150988		2026-2029						50	300	50		50								
4	Nâng cấp, cải tạo Khu tái định cư Gành Dầu	PQ	KBNN KV XX P.GD số 5	BQL	8150989		2026-2029	1188 27/02/2026	14.594	14.594			14.584	10	50		50								
6	Khu tái định cư phường Dương Đông	PQ	KBNN KV XX P.GD số 5	BQL	8148424		2026-2029						50	10	50		50								
7	Khu tái định cư xã Cửa Cạn	PQ	KBNN KV XX P.GD số 5	BQL	8150991		2026-2029						50	50	50		50								
8	Khu tái định cư Rạch Trâm	PQ	KBNN KV XX P.GD số 5	BQL	8150990		2026-2028						50	50	50		50								
9	Nâng cấp cải tạo Khu Tái định cư Suối Lớn 73ha	PQ	KBNN KV XX P.GD số 5	BQL	8180483		2026-2028	1189 27/02/2026	162.300	162.300			162.300		50		50								
10	Đầu tư XD trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMT Tổ quốc, các phòng, ban đặc khu	PQ	KBNN KV XX P.GD số 5	BQL	8178505		2026-2030						50		50		50								
11	Xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo trụ sở các khu phố đặc khu Phú Quốc	PQ	KBNN KV XX P.GD số 6	BQL	8178500		2026-2028	1187 27/02/2026	17.000	17.000			17.600		50		50								
12	Nhà Bia lưu niệm Khu căn cứ Cách mạng Huyện ủy	PQ	KBNN KV XX P.GD số 5	BQL	8178504		2026-2030	1102 13/02/2026	19.000	19.000			19.000		50		50								
III	Ngành/ lĩnh vực: Hoạt động kinh tế					280			1.671.305	1.671.305			1.558.865	1.558.865	225.432	1.239.043	103.837		87.668			6.500	-22.669		
	Dự án trả nợ								1.226.323	1.226.323			1.226.323	1.226.323	5.982	1.134.151	5.982		5.975				-7		
1	Đường Trung tâm đoạn 3 - Khu Bãi Trờng và các đường nhánh	PQ	KBNN KV XX P.GD số 5	UBND TP (UBND đặc khu)	7230738		2016-2024	NQ 130 23/6/2023	1.225.257	1.225.257	181; 17/7/2023	1.225.257	1.225.257	5.975	1.133.304	5.975		5.975							
9	Cải tạo, sửa chữa công viên Bạch Đằng	ĐĐ	KBNN KV XX P.GD số 5	BQL	8130683		2025-2026	581; 10/03/2025	1.066	1.066	3410 18/4/2025	1.066	1.066	7	847	7							-7	Tất toán	
	Dự án chuyển tiếp								307.782	307.782			276.852	276.852	145.850	103.100	95.000		73.838			1.500	(22.662)		

S T T	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Địa điểm mở tài khoản	Chủ đầu tư	Mã số dự án	Mã ngành kinh tế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương			Quyết định đầu tư			Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030	Lũy kế giải ngân từ khởi công đến KH năm trước	Kế hoạch vốn năm 2026			Kế hoạch vốn năm 2026 sau điều chỉnh			Chênh lệch		Ghi chú	
								Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT dự kiến		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT				Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tăng	Giảm (-)		
									Tổng số	Trong đó: Phần vốn NSNN		Tổng số	Trong đó: Phần vốn NSNN				Tổng số	Thu hồi vốn đã ứng trước		Trả nợ đọng xây dựng cơ bản	Tổng số				Thu hồi vốn đã ứng trước
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	
1	Thoát nước các tuyến đường tỉnh lộ trên địa bàn thành phố Phú Quốc	PQ	KBNN KV XX P.GD số 5	BQL	8005773		2023-2026	1704 08/5/2023	65.479	65.479	6410 01/12/2023	65.471	65.471	3.000	45.000	1.000			2.500			1.500		Bổ trợ vốn để hoàn thành công trình	
2	Nâng cấp các tuyến đường trên địa bàn thành phố Phú Quốc	PQ	KBNN KV XX P.GD số 5	BQL	8095846		2025-2026	2702; 03/07/2024	24.900	24.900	557 06/03/2025	24.900	24.900	12.700	12.200	7.000			7.000						
3	Bờ kè Rạch Ông tri (giai đoạn 2)	DD	KBNN KV XX P.GD số 5	BQL	8110261		2025-2027	43; 14/11/2024	118.446	118.446	432; 25/02/2025	118.446	118.446	85.246	25200	60.000			40.338			-19.662		Điều tiết giảm vốn do tiến độ thi công chậm	
4	Đường Suối Cái Gành Dầu (đoạn ngã 3 Rạch Vem - Gành Dầu)	GD	KBNN KV XX P.GD số 5	BQL	7941736		2022-2025	1355 18/4/2025	29.641	29.641	3668; 19/9/2025	29.641	29.641	19.000	8.500	14.000			14.000						
5	Đường đầu nối xung quanh Quảng trường và Trung tâm Hành chính	DD	KBNN KV XX P.GD số 5	BQL	8095849		2025-2027	2704; 03/07/2024	69.316	69.316	1348 18/4/2025	38.394	38.394	25.904	12.200	13.000			10.000			-3.000		Điều tiết giảm vốn do tiến độ thi công chậm	
	Dự án khởi công mới								55.690	55.690		55.690	55.690	53.190	1.792	2.655			7.655			5.000			
1	Mở rộng nghĩa trang nhân dân thành phố Phú Quốc (6,0187ha)	DT	KBNN KV XX P.GD số 5	BQL	8023845		2025-2027	7348; 06/11/2025	55.690	55.690	8587 09/12/2025	55.690	55.690	53.190	1.792	2.655			7.655			5.000		Bổ sung vốn thực hiện dự án	
	Dự án chuẩn bị đầu tư								81.510	81.510				20.410	-	200	-	-	200	-	-	-	-	-	
1	Hệ thống điện chiếu sáng đường Cây Kê - Búng Gôi	PQ	KBNN KV XX P.GD số 5	BQL	8179317		2026-2028	1191 27/02/2026	13.510	13.510				13.510		50			50						
2	Đường Trần Hưng Đạo	PQ	KBNN KV XX P.GD số 6	BQL	8178206		2026-2030							50		50			50						
3	Tuyến đường Trần Phú đoạn từ Dương Đông - Cửa Cạn đến đường trục Dương Đông - Bãi Thơm	PQ	KBNN KV XX P.GD số 5	BQL			2026-2030							50		50			50						
4	Đường nối tuyến Dương Đông - Cửa Cạn - Gành Dầu đến đôn biển phòng Gành Dầu và đường vào Khu tái định cư Gành Dầu	PQ	KBNN KV XX P.GD số 5	BQL	8180485		2026-2030	1190 27/02/2026	68.000	68.000				6.800		50			50						

